

Thứ sáu, ngày 17 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giữ vững đà tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/4/2020		•	
Tuần 20/4-24/4/2020		•	
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục ghi nhận đà tăng tốt trong phiên sáng. SAB, VHM CTG GAS MBB là các trụ đỡ giúp chỉ số giao dịch tích cực. Đến phiên chiều, đà tăng được nới rộng nhờ lực cầu duy trì tại các mã SAB và VHM. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với gần 280 cổ phiếu tăng giá trên sàn HSX. Với phiên giao dịch củng cố ngưỡng 780 hôm nay, chỉ số tiếp tục hướng đến vùng kháng cự cao hơn quanh ngưỡng 800 điểm. Tuy vậy, rủi ro vẫn còn hiện hữu khi các doanh nghiệp cũng đang dần công bố KQKD quý I, đặc biệt trong bối cảnh chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2012, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 730 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/4/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_4.6%

Phân tích kỹ thuật: PVT_Hưng phần (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+8.90 điểm**, đóng cửa 789.60. HNX-Index **+1.71 điểm**, đóng cửa 110.46.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+4.95%); VHM (+1.48%); MWG (+6.63%); HVN (+6.16%); HPG (+2.22%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.38%); MSN (-0.33%); VHC (-1.71%); HRC (-7.00%); DPG (-6.84%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,196 tỷ đồng**, **+38%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.21 điểm. Thị trường có 281 mã tăng, 51 mã tham chiếu, và 87 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **392.22 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (82.89 tỷ), VIC (68.44 tỷ) và VPB (33.78 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **28.15 tỷ đồng**.

VN-INDEX

789.60

Giá trị: 4196.41 tỷ

8.9 (1.14%)

Khối ngoại (ròng): -392.22 tỷ

HNX-INDEX

110.46

Giá trị: 546.63 tỷ

1.71 (1.57%)

Khối ngoại (ròng): -28.15 tỷ

UPCOM-INDEX

52.16

Giá trị: 338.14 tỷ

0.62 (1.2%)

Khối ngoại (ròng): -13.45 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	18.4	-7.55%
Giá vàng	1,696	-1.25%
Tỷ giá USD/VND	23,381	-0.30%
Tỷ giá EUR/VND	25,466	-1.07%
Tỷ giá JPY/VND	21,729	0.02%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	1.59%
LS TPCP 5 năm	2.2%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	44.0	VNM	-82.9
HCM	4.8	VIC	-68.4
E1VFN30	3.8	VPB	-33.8
QNS	3.6	HDB	-28.8
ROS	2.9	DBC	-27.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_4.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	18/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	4.6%	11.5%	26.9%	26.9%	-8.0%	-8.0%	22.0%
Dầu khí	4.4%	5.4%	32.9%	32.9%	-28.2%	-28.2%	15.5%
Vật liệu Xây dựng	2.6%	8.8%	27.5%	27.5%	-13.6%	-13.6%	22.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	2.6%	4.6%	16.1%	16.1%	-19.5%	-19.5%	22.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.4%	8.1%	22.8%	22.8%	-18.3%	-18.3%	17.3%
VN Diamond	2.4%	9.0%	23.9%	23.9%	-18.4%	-18.4%	22.0%
Hàng tiêu dùng	2.3%	7.6%	31.3%	31.3%	-15.3%	-15.3%	15.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	2.2%	7.5%	20.6%	20.6%	-20.4%	-20.4%	22.0%
Xây dựng	2.1%	7.8%	22.6%	22.6%	-15.9%	-15.9%	22.0%
Corona Avengers	2.1%	7.4%	35.7%	35.7%	-10.6%	-10.6%	15.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.0%	9.8%	27.3%	27.3%	-18.7%	-18.7%	22.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.0%	9.4%	30.5%	30.5%	-11.5%	-11.5%	22.5%
Chiến tranh thương mại	1.9%	10.7%	27.5%	27.5%	-19.3%	-19.3%	17.3%
Cổ phiếu ngành Dược	1.9%	4.4%	15.1%	15.1%	-7.8%	-7.8%	17.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.6%	6.0%	22.7%	22.7%	-15.4%	-15.4%	17.3%
Lãi suất giảm	1.6%	9.7%	28.9%	28.9%	-15.0%	-15.0%	19.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.4%	7.7%	18.2%	18.2%	-8.1%	-8.1%	15.5%
Ngân Hàng	1.1%	5.1%	19.2%	19.2%	-14.3%	-14.3%	22.0%
VN FinSelect	1.0%	6.7%	20.6%	20.6%	-15.7%	-15.7%	22.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.9%	6.3%	21.3%	21.3%	-16.0%	-16.0%	17.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.8%	3.1%	19.2%	19.2%	-16.2%	-16.2%	22.0%
FTSE Việt Nam	0.7%	2.8%	16.7%	16.7%	-16.6%	-16.6%	15.5%
Nước & Năng lượng	0.3%	3.3%	17.6%	17.6%	-16.6%	-16.6%	22.0%

Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	3.9%	11.6%	27.8%	27.8%	-16.2%	-16.2%	19.4%
S32	3.1%	8.6%	32.3%	32.3%	-22.4%	-22.4%	22.0%
S21	3.0%	9.1%	24.4%	24.4%	-15.8%	-15.8%	19.7%
L11	2.3%	5.3%	17.7%	17.7%	-18.4%	-18.4%	17.1%
M22	2.1%	7.0%	20.9%	20.9%	-15.1%	-15.1%	18.7%
M31	1.9%	4.4%	21.2%	21.2%	-17.3%	-17.3%	20.7%
M12	1.7%	5.2%	18.7%	18.7%	-15.3%	-15.3%	19.9%
L32	1.7%	8.2%	30.8%	30.8%	-20.7%	-20.7%	20.8%
S11	1.4%	3.8%	15.4%	15.4%	-11.8%	-11.8%	18.6%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.7%	7.3%	26.6%	26.6%	-9.7%	-9.7%	18.6%
MID1	2.5%	6.0%	24.2%	24.2%	-10.6%	-10.6%	17.2%
LOW1	0.9%	3.1%	14.9%	14.9%	-15.2%	-15.2%	16.9%

INDEX							
VNINDEX	1.0%	4.1%	19.1%	19.1%	-17.9%	-17.9%	16.7%
VN30INDEX	1.0%	5.5%	20.2%	20.2%	-16.5%	-16.5%	17.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	18	5	20	3	18	5
Mục tiêu	9	9	0	8	1	6	3
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

PVT_Hưng phần

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa chạm vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: PVT đang ở trong trạng thái hồi phục sau khi đã mất giá sâu về khu vực xung quanh 7.5 trong thời gian vừa qua. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần, qua đó trở lại trên mệnh giá 10. Các chỉ báo kỹ thuật đang chưa có được sự đồng nhất về trạng thái nhưng cũng dần chuyển sang chiều hướng tích cực. Chỉ báo MACD đang duy trì histogram dương đồng thời chỉ báo RSI cũng đang tăng dần và chưa đi vào vùng quá mua nên dự địa tăng của PVT vẫn còn. Tuy vậy, đường EMA12 vẫn đang ở dưới đường EMA26 nên áp lực chốt lời có thể xuất hiện trong ngắn hạn. Theo đánh giá của chúng tôi, PVT có thể sẽ tiếp cận vùng giá xung quanh 12 trong thời gian tới sau đó tiềm năng đi ngang tích lũy trước khi có sự hình thành rõ ràng hơn về xu hướng dài hạn.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Rủi ro Đầu tư

- Giá cước thuê tàu chở dầu quốc tế đang có xu hướng giảm từ đầu năm do (1) Mỹ bỏ cấm vận với 1 đơn vị thuộc COSCO và (2) dịch bệnh khiến nhu cầu dầu ở mức thấp.
- NMLD Dung Quất và Nghi Sơn gián đoạn hoạt động
- Rủi ro tỷ giá và lãi suất

Cập nhật KQKD

- Doanh thu và LNST của PVT đạt lần lượt 7,742 tỷ (+2.9%yoy) và 811 tỷ (+10.5%yoy). Nếu trừ đi lợi nhuận bất thường từ việc thanh lý tàu 2018 thì LNST cốt lõi của PVT tăng 13%yoy. - Biên lợi nhuận gộp năm 2019 là 15.2% - tăng 1 điểm % so với năm 2018 nhờ (1) giá cước vận tải dầu thô quốc tế tăng 10%yoy và LPG quốc tế tăng 5-7%yoy do ảnh hưởng của IMO và (2) giảm tỷ trọng mảng thương mại có biên lợi nhuận mỏng trong cơ cấu tổng doanh thu từ 30% năm 2018 xuống 23%.

- Kế hoạch kinh doanh năm 2020 thận trọng: Doanh thu hợp nhất PVTrans là 6,200 tỷ đồng (-20%yoy). Lợi nhuận trước thuế là 550 tỷ đồng (-45%yoy). BSC lưu ý Công ty thường đặt kế hoạch ở mức thấp hơn so với thực tế đạt được >30%.

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bút phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bút phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bút phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 17/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 17/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	19.93	0.30%	-12.43%	-27.10%	-67.64%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	28.40	2.08%	-9.78%	-6.60%	-57.72%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	70.27	-0.34%	3.75%	-2.30%	-63.25%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1709.58	-0.47%	0.76%	15.00%	33.90%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.38	-0.73%	-1.17%	28.40%	4.82%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	848.00	0.27%	-2.64%	2.00%	-10.38%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	530.50	0.00%	-4.84%	6.10%	5.00%	0/1/1900	AFX
Sữa	USD /cwt	12.10	-0.08%	-5.62%	-20.20%	-25.99%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	153.50	1.52%	0.33%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.33	0.49%	-0.58%	-6.60%	-27.10%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	119.70	-1.24%	-0.99%	13.50%	10.94%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5140.00	0.56%	1.98%	-5.90%	-20.86%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3421.00	1.18%	2.70%	-3.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1512.50	0.33%	2.37%	-10.00%	-18.49%	0/1/1900	CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	619.00	2.48%	3.77%	-0.70%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	59.55	-0.33%	-5.33%	-10.80%	-30.80%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 6 tăng 0.13 USD hay 0.5% lên 27.82 USD/thùng, trong khi dầu WTI duy trì tại 19.87 USD/thùng.
- Giá dầu diễn biến trái chiều trong phiên vừa qua sau khi một số nước Châu Âu cho biết họ sẽ nới lỏng việc phong tỏa, trong khi OPEC hạ dự báo nhu cầu dầu toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.2% xuống 1,711.29 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 giảm 0.5% xuống 1,731.7 USD/ounce.
- Chỉ số USD đạt cao nhất 1 tuần so với rổ các đồng tiền chủ chốt gây sức ép cho giá vàng.
- Tiêu thụ vàng tại Ấn Độ, nước mua vàng lớn thứ 2 thế giới, trong năm 2020 có thể thấp nhất trong 3 thập kỷ do việc phong tỏa trên toàn quốc đã khiến các cửa hàng trang sức đóng cửa trong suốt các lễ hội quan trọng và mùa cưới.

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 0.3% xuống 606 CNY (85.63 USD)/tấn. Các nhà phân tích dự đoán GDP của Trung Quốc giảm 6.5% trong quý 1 so với cùng kỳ năm trước bởi sự bùng phát của Covid-19. Tăng trưởng GDP của nước này trong quý 1 có thể giảm lần đầu tiên trong gần 3 thập kỷ.
- Trên sàn Thượng Hải, thép thanh giao tháng 10 đóng cửa tăng 0.2% lên 3,385 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 0.8% lên 3,234 CNY/tấn. Giá nhà mới tại Trung Quốc trở lại tăng trưởng trong tháng 3, sau khi giảm lần đầu tiên trong 5 năm vào tháng 2.

Giá cao su

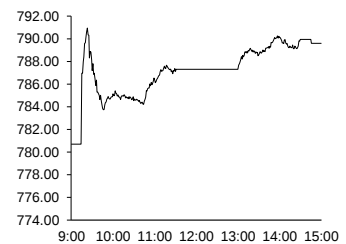
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM giảm 1.1 JPY xuống 151.2 JPY (1.4 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, hợp đồng kỳ hạn tháng 9 giảm 175 CNY xuống 9,880 CNY (1,396 USD)/tấn.
- Tập đoàn ô tô Toyota cho biết họ sẽ giảm sản lượng xe thành phẩm tại Nhật Bản 40% trong tháng 5 do nhu cầu giảm trên khắp thế giới bởi đại dịch Covid-19.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 duy trì tại 10.22 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 6.1 USD hay 1.8% lên 337.8 USD.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 giảm 1.5 US cent hay 1.2% xuống 1,197 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 1 USD hay 0.1% xuống 1,205 USD/tấn.
- Giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán khoảng 375 – 380 USD/tấn trong tuần này. Gạo Thái Lan 5% tấm giảm xuống 530 – 538 USD/tấn so với 555 – 580 USD/tấn trong tuần trước – cao nhất kể từ tháng 4/2013.

Hình 1

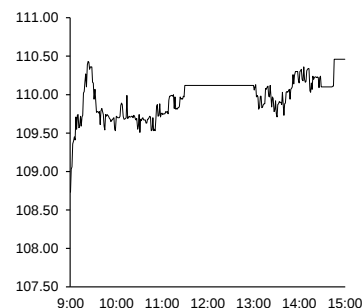
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	5.88%
Truyền thông	5.24%
Viễn thông	4.96%
Ô tô và phụ tùng	3.44%
Du lịch và Giải trí	2.81%
Dịch vụ tài chính	2.14%
Tài nguyên Cơ bản	2.07%
Công nghệ Thông tin	1.73%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.62%
Thực phẩm và đồ uống	1.52%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.47%
Dầu khí	1.25%
Y tế	1.14%
Xây dựng và Vật liệu	0.98%
Bất động sản	0.85%
Hóa chất	0.77%
Ngân hàng	0.72%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.67%
Bảo hiểm	0.52%

Nguồn: FiinPro

CON CHÓ CHĂN CỪU

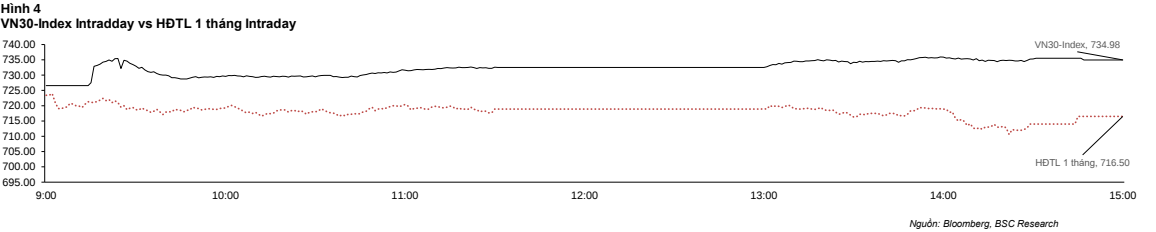
Một người lạ đến một ngôi làng nhỏ. Anh ta muốn làm quen với mọi người nên đã đi đến sân làng. Nhìn thấy một người cùng với một con chó chăn cừu trông có vẻ hung hãn.

Anh ta ngập ngừng nhìn con chó một lúc và hỏi người đàn ông: “Chó của ông có cắn không?”. Người đó nói: “Không”. Thế là anh ta cúi xuống tính xoa đầu con chó. Bất ngờ, con chó lao tới cắn anh ta. Trong khi sửa lại chiếc áo bị xé rách từng mảnh, anh ta quay sang người đàn ông và trách móc: “Tại sao ông nói con chó của ông không cắn?”. Người đàn ông trả lời: “Đó có phải là chó của tôi đâu”.

Và đây chính là bài học cho các nhà đầu tư: Hãy biết nghi ngờ những gì nhìn thấy và cần biết đặt đúng câu hỏi. Trong đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư cần phải hiểu một cách rõ ràng tại sao họ lại sở hữu một cổ phiếu nào đó. Hiểu được đặc tính của một cổ phiếu và vai trò của nó trong một danh mục sẽ làm tăng cơ hội lựa chọn được tài sản ổn định để nắm giữ lâu dài.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	716.50	1.99%	-18.48	160.4%	178,181	5/21/2020	34
VN30F2006	713.00	2.56%	-21.98	87.8%	830	6/18/2020	62
VN30F2009	711.00	2.01%	-23.98	26.0%	330	9/17/2020	153
VN30F2012	713.00	n/a	-21.98	n/a	134	12/17/2020	244

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 8.41 điểm lên mức 734.98 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, HPG, MBB, SAB, và FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại giằng co quanh 730-735 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể kiểm tra 745 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Ngoại trừ VN30F2012, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 730 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMWG2004	SSI	6/15/2020	59	1:1	226,610	130.7%	1.0 triệu	37.69%	13,600	700	94.44%	339.70	2.06
CMBB2001	HSC	6/22/2020	66	2:1	441,060	405.1%	5.0 triệu	31.67%	1,600	160	33.33%	36.60	4.37
CVPB2004	SSI	5/14/2020	27	1:1	339,070	27.7%	3.0 triệu	38.73%	4,100	380	26.67%	186.40	2.04
CHPG2001	HSC	6/30/2020	74	2:1	199,030	90.9%	5.0 triệu	31.96%	1,800	470	17.50%	142.90	3.29
CFPT1908	MBS	6/17/2020	61	3:1	88,120	-22.4%	2.4 triệu	31.34%	3,150	940	16.05%	551.50	1.70
CVPB2001	HSC	6/22/2020	66	2:1	111,420	-32.7%	5.0 triệu	38.73%	1,500	1,380	13.11%	1,158.00	1.19
CSBT2001	KIS	12/16/2020	243	1:1	162,750	33.4%	2.0 triệu	32.90%	2,900	1,080	12.50%	264.80	4.08
CREE2001	HSC	6/22/2020	66	5:1	284,310	732.3%	5.0 triệu	29.83%	1,100	340	9.68%	56.60	6.01
CHPG2002	KIS	12/16/2020	243	2:1	41,000	153.1%	3.0 triệu	31.96%	1,700	910	9.64%	144.30	6.31
CVRE2003	KIS	12/16/2020	243	2:1	3,010	-85.9%	3.0 triệu	37.71%	3,000	1,600	9.59%	348.10	4.60
CHDB2003	KIS	12/16/2020	243	2:1	198,080	136.6%	2.0 triệu	33.76%	2,700	950	7.95%	147.00	6.46
CHDB2001	KIS	6/19/2020	63	2:1	303,630	-24.2%	5.0 triệu	33.76%	2,000	140	7.69%	22.60	6.19
CFPT2001	HSC	6/22/2020	66	5:1	65,580	-6.3%	5.0 triệu	31.34%	1,600	450	7.14%	236.30	1.90
CNVL2001	KIS	12/16/2020	243	4:1	56,510	1027.9%	2.0 triệu	17.85%	2,300	1,400	4.48%	92.70	15.10
CMSN2001	KIS	12/16/2020	243	5:1	24,410	83.4%	2.0 triệu	31.38%	2,300	2,180	3.32%	977.00	2.23
CVIC2001	KIS	12/16/2020	243	5:1	16,120	475.7%	2.0 triệu	30.77%	2,700	2,440	0.83%	480.10	5.08
CVNM2002	KIS	12/16/2020	243	5:1	36,150	-50.2%	3.0 triệu	27.59%	3,200	1,310	0.00%	183.00	7.16
CSTB2001	KIS	6/19/2020	63	1:1	318,740	-10.7%	5.0 triệu	36.64%	1,500	590	-1.67%	204.80	2.88
CVRE2001	KIS	9/21/2020	157	4:1	417,470	754.4%	8.0 triệu	37.71%	1,500	410	-2.38%	97.40	4.21
CSTB2002	KIS	12/16/2020	243	1:1	112,630	9.1%	3.0 triệu	36.64%	1,700	1,490	-3.25%	562.20	2.65
CROS2001	KIS	6/19/2020	63	4:1	1,262,210	43.5%	10.0 triệu	61.59%	1,500	40	-33.33%	-	
Tổng:					4,707,910		81.40 triệu	34.36%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/4/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CVPB2001 và CVRE2003 tăng mạnh lần lượt là 13.11% và 9.59%. Giá trị giao dịch tăng 43.59%. CHDB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.01% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, STB, VPB, và VRE, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CMSN2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MWG	82.00	6.63	2.05
HPG	20.70	2.22	1.02
MBB	17.00	3.03	0.98
SAB	165.40	4.95	0.75
FPT	51.20	1.79	0.67

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	21.5	-1.38	-0.70
MSN	60.6	-0.33	-0.13
ROS	3.9	-2.00	-0.03
VNM	99.3	0.00	0.00
VRE	26.5	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2004	24,100	10,500	82,000
CMBB2001	24,200	21,000	17,000
CVPB2004	28,100	24,000	21,450
CHPG2001	27,600	24,000	20,700
CFPT1908	63,450	54,000	51,200
CVPB2001	23,000	20,000	21,450
CSBT2001	24,011	21,111	14,850
CREE2001	39,553	34,311	31,000
CHPG2002	33,399	29,999	20,700
CVRE2003	43,999	37,999	26,500
CHDB2003	37,523	32,123	21,500
CHDB2001	33,099	29,099	21,500
CFPT2001	64,000	56,000	51,200
CNVL2001	75,088	65,888	52,700
CMSN2001	77,289	65,789	60,600
CVIC2001	139,968	126,468	96,100
CVNM2002	157,111	141,111	99,300
CSTB2001	12,499	10,999	9,730
CVRE2001	42,789	36,789	26,500
CSTB2002	13,588	11,888	9,730
CROS2001	32,468	26,468	3,920

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.0	6.6%	1.1	1,614	8.6	8,655	9.5	3.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	59.7	1.2%	1.3	585	3.1	5,361	11.1	2.9	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	48.5	0.4%	1.4	1,564	1.6	1,632	29.7	1.9	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	-1.5%	0.6	322	0.1	2,623	12.2	1.1	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	96.1	0.2%	0.8	14,133	5.0	2,310	41.6	4.2	14.2%	11.7%
VRE	Bất động sản	26.5	0.0%	1.1	2,618	5.0	1,226	21.6	2.2	31.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.7	1.5%	0.8	2,222	1.5	3,552	14.8	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	31.0	0.6%	0.9	418	0.8	5,287	5.9	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.9	6.9%	1.5	223	2.3	2,850	3.5	0.7	41.6%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.6	1.9%	1.4	355	2.3	1,787	7.6	0.7	51.3%	9.9%
VCI	Chứng khoán	19.8	5.9%	1.0	141	0.4	4,240	4.7	0.8	34.3%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.8	2.1%	1.8	223	2.0	1,421	11.8	1.2	54.1%	11.7%
FPT	Công nghệ	51.2	1.8%	0.8	1,517	5.8	4,631	11.1	2.5	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	46.0	4.1%	0.4	497	0.1	4,812	9.6	2.4	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	67.7	0.4%	1.5	5,634	2.4	6,092	11.1	2.7	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	41.4	1.0%	1.5	2,143	2.9	3,495	11.8	2.1	13.1%	19.6%
PVS	Dầu khí	12.2	2.5%	1.7	254	3.0	1,777	6.9	0.5	15.1%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.3	10.5%	0.8	849	3.9	898	7.0	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	89.0	0.0%	0.6	506	0.1	4,668	19.1	3.5	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	13.9	-0.4%	0.6	237	1.4	774	18.0	0.7	17.1%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.6	0.8%	0.6	152	0.3	592	11.1	0.6	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	71.4	0.3%	1.2	11,514	4.6	5,003	14.3	3.3	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	37.4	0.3%	1.6	6,540	1.9	2,366	15.8	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	20.1	1.5%	1.3	3,254	7.6	2,541	7.9	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	21.5	-1.4%	1.2	2,273	4.7	3,379	6.3	1.2	23.2%	21.5%
MBB	Ngân hàng	17.0	3.0%	1.1	1,782	5.6	3,476	4.9	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	21.0	2.9%	1.0	1,518	4.4	3,694	5.7	1.3	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	45.0	6.4%	0.9	160	0.7	5,165	8.7	1.5	79.2%	17.2%
NTP	Nhựa	32.9	4.8%	0.3	140	0.1	4,167	7.9	1.3	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	1.3%	0.6	654	0.0	356	42.7	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	20.7	2.2%	1.1	2,485	7.9	2,588	8.0	1.2	36.4%	17.1%
HSG	Thép	6.8	4.3%	1.6	125	2.0	1,161	5.8	0.5	17.5%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	99.3	0.0%	0.7	7,518	7.6	5,478	18.1	6.3	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	165.4	4.9%	0.8	4,612	0.9	7,477	22.1	5.6	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	60.6	-0.3%	1.0	3,080	3.8	4,772	12.7	1.7	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.9	4.6%	0.7	379	3.5	508	29.3	1.2	5.9%	4.4%
ACV	Vận tải	56.0	2.9%	0.8	5,301	0.9	2,630	21.3	4.0	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	117.4	1.2%	1.1	2,674	2.0	7,889	14.9	4.0	18.7%	28.7%
HAV	Vận tải	25.9	6.2%	1.7	1,594	2.8	1,654	15.6	2.0	9.5%	12.9%
GMD	Vận tải	18.4	5.5%	0.9	237	0.8	1,602	11.5	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	10.3	6.7%	1.0	126	1.3	2,398	4.3	0.7	27.3%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.5	-0.8%	1.0	449	2.3	8,824	7.3	3.0	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.7	1.2%	0.7	325	0.1	1,453	11.5	1.2	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.9	3.2%	0.9	214	0.1	1,941	6.6	0.9	6.5%	14.1%
CTD	Xây dựng	61.7	3.9%	1.2	205	1.1	8,859	7.0	0.6	46.4%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.1	0.4%	0.6	482	0.2	1,548	16.2	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	20.2	0.8%	0.3	217	1.7	760	26.5	1.0	45.8%	3.7%
POW	Điện	9.0	1.0%	0.6	920	2.8	1,028	8.8	0.8	11.8%	9.4%
NT2	Điện	18.9	-0.5%	0.6	237	0.6	2,560	7.4	1.3	17.7%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	165.40	4.95	1.43	128300.00
VHM	68.50	1.48	0.96	734070.00
MWG	82.00	6.63	0.66	2.47MLN
HVN	25.85	6.16	0.61	2.56MLN
HPG	20.70	2.22	0.36	8.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	0.00	-0.21	5.01MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-0.07	1.42MLN	607060.00
PPC	0.00	-0.07	161670.00	373600.00
VHC	0.00	-0.03	1.06MLN	192700.00
HRC	-0.01	-0.02	250.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHH	42.80	7.00	0.03	267790.00
SFG	5.81	7.00	0.01	99690.00
SZL	35.95	6.99	0.01	132520.00
TDH	8.88	6.99	0.02	1.87MLN
TSC	2.30	6.98	0.01	1.84MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAX	10.50	-12.13	-0.02	296730.00
HRC	37.20	-7.00	-0.02	250.00
CMV	13.35	-6.97	0.00	5070.00
TS4	2.41	-6.95	0.00	122360.00
ABS	22.90	-6.91	-0.01	5300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.00	2.94	0.96	4.81MLN
SHB	18.00	0.56	0.13	4.93MLN
NVB	8.20	3.80	0.12	2.08MLN
PVS	12.20	2.52	0.07	5.61MLN
DGC	24.40	4.27	0.07	250500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PMC	51.70	-9.93	-0.03	5500.00
TAR	33.40	-4.84	-0.03	319600.00
SHN	7.00	-2.78	-0.02	5000.00
SJE	16.80	-8.70	-0.02	10000.00
PVI	32.00	-1.54	-0.02	63900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

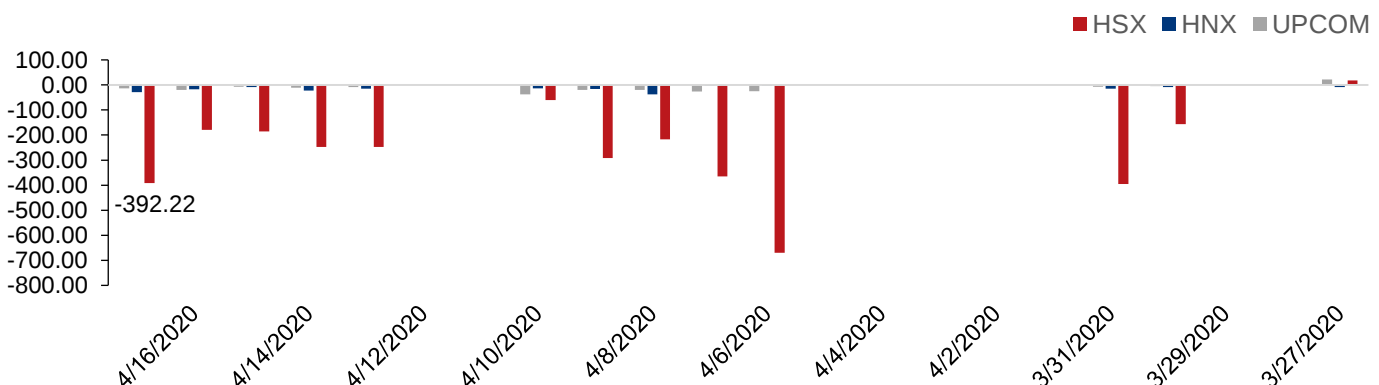
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FID	1.10	10.0	0.00	3000.00
PLC	14.30	10.0	0.03	832000.00
PVB	13.40	9.8	0.01	89000.00
CAN	21.30	9.8	0.00	100.00
VNC	29.50	9.7	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.40	-20.00	0.00	115400.00
SJC	0.50	-16.67	0.00	1300.00
BII	0.70	-12.50	0.00	353900.00
DNY	1.80	-10.00	0.00	10100.00
NBW	35.10	-10.00	-0.01	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



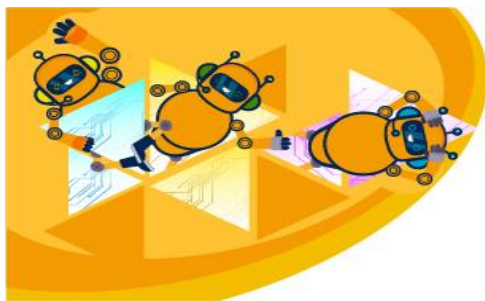
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.4	1,602	11.5	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	21.0	3,694	5.7	1.3	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.1	1,954	6.2	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	165.4	7,477	22.1	5.6	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.9	1,688	12.4	1.5	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	99.3	5,478	18.1	6.3	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.9	2,690	4.4	0.7	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	82.0	8,655	9.5	3.0	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	28.7	7,380	3.9	1.1	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	51.2	4,631	11.1	2.5	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.6	2,109	8.8	1.4	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	23.7	3,990	5.9	1.1	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	89.0	4,668	19.1	3.5	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	23.1	4,313	5.4	1.1	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	59.7	5,361	11.1	2.9	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.3	2,398	4.3	0.7	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	161.9	14,782	11.0	4.5	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.8	0	22.1	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	82.0	8,655	9.5	3.0	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	21.0	3,694	5.7	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fwd = 18.1x, PB fwd = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quỹ.
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 ; Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn